

Bản án số: 20/2023/HSST

Ngày: 16/03/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Điệp

- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Bà Bùi Thị Quy và ông Nguyễn Đắc Quỳnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký TAND huyện N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Phùng Văn Huân và ông Trần Đình Nghị - Kiểm sát viên

Ngày 16/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/HSST ngày 10/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 03/03/2023 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Đức H**, Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1976, Giới tính: Nam; Nơi sinh: xã C, huyện Thanh H, tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT và cư trú tại: thôn Đ, xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề N: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn P và bà Lê Thị B; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là chị Nguyễn Thị N; có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn B**, Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1968; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn M, xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề N: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn K và bà Mạc Thị T; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là Lê Thị H1, có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: chưa;

- Nhân thân: + Ngày 14/02/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 19 tháng 20 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội Đánh bạc. Đã chấp hành xong bản án ngày 06/10/2015.

+ Ngày 26/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện N xử phạt 9.000.000 đồng về Hành vi đánh bạc trái phép và Hành vi dùng nhà, chỗ ở để chứa bạc. Chấp Hành xong ngày 04/6/2020.

- Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

3. Đào Văn N, Tên gọi khác: Không, sinh năm: 1983; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Đ, xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12, Nghề N: Lao động tự do; Con ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị Đ, gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Phan Thị Thu S, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015, Tiền án, tiền sự: chưa;

- Nhân thân: ngày 16/9/2022, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 36 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, thời hạn chấp Hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2022.

Bị cáo đang chấp Hành án tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương theo Quyết định thi Hành án hình sự số 69 ngày 18/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện N – Có mặt tại phiên tòa

4. Trần Văn D, Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1965, Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Đ, xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề N: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10, con ông Trần Văn K1 và bà Mạc Thị T1, Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị L, có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

** Người làm chứng:*

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1975.

+ Anh Ngô Văn P, sinh năm 2000.

+ Anh Ngô Văn K2, sinh năm 2000.

+ Anh Nguyễn Đình N2, sinh năm 1982

+ Anh Ngô Quang T1, sinh năm 1984

+ Anh Phan Mạnh S1, sinh năm 1985.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983.

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích đánh bạc ăn tiền nên trưa ngày 10/8/2019, Phạm Đức H mua 01 bộ bài tú lơ khơ tại quán chị Bùi Thị H1 sinh năm 1982 ở thôn Đ, xã Đ1, huyện N sau đó sang nhà Trần Văn B ở thôn M, xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương. Khi đến nơi thì H gặp B đang ở nhà, một lúc sau thì Trần Văn D, Đào Văn N đến và cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức 3 cây thì tất cả đồng ý tham gia. Quá trình đánh bạc, N hết tiền thì hỏi vay tiền H. H gọi điện cho bà Lê Thị Hiệp sinh năm 1975 (vợ của B) mang về cho vay 5.000.000 đồng. Sau khi bà H1 đưa 5.000.000 đồng thì H đưa cho N vay. N cầm cố cho H chiếc xe máy Sirius biển số 34N8-9233 (là xe của anh Phan Mạnh S1 cho N mượn để đi lại). N tiếp tục đánh bạc thua hết số tiền đã vay trên thì tất cả nghỉ và đi về. Các bị cáo Phạm Đức H, Đào Văn N, Trần Văn D, Trần Văn B khai nhận số tiền sử dụng để đánh bạc lần lượt là 5.000.000 đồng, 8.000.000 đồng, 300.000 đồng, 2.000.000 đồng.

Về hình thức đánh bạc: đánh “3 cây” là người cầm cái sử dụng bộ bài tú lơ khơ 36 quân (từ Át đến 9) chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài. Mỗi lượt, những người chơi sẽ tự bỏ ra số tiền nhất định để chơi với người cầm cái. Sau khi chia bài, những người chơi sẽ cộng điểm 03 quân bài để so điểm với người cầm cái. Người thắng là người có số điểm cao hơn hoặc bằng điểm nhưng so chất lớn hơn theo thứ tự cơ, rô, tép, bích. Người chơi mà thắng sẽ được người cầm cái trả số tiền bằng số tiền đã bỏ ra đặt cược, nếu thua thì sẽ mất số tiền đã bỏ ra đặt cược.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-NS ngày 08/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Phạm Đức H, Trần Văn B, Đào Văn N, Trần Văn D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức H, Trần Văn B, Đào Văn N, Trần Văn D phạm tội “Đánh bạc”; Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 đối với tất cả các bị cáo; thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H, N, D; thêm điểm x khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo B, D; thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H, B, D; Điều 65 BLHS đối với H, B; Điều 36 đối với bị cáo D và Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức H từ 10 đến 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 20 tháng đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo H cho UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo B cho UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi Hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Đào Văn N từ 06 đến 09 tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt thi Hành án. Tổng hợp với 36 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N. Buộc bị cáo phải chấp Hành hình phạt chung của hai bản án là 42 đến 45 tháng tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã chấp Hành.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn tính từ ngày UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi Hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập 10 đến 15%/tháng của bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước trong thời gian chấp Hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo D cho UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo tại địa phương.

Về hình phạt bổ sung: phạt bổ sung mỗi bị cáo 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước; Về vật chứng: không phải giải quyết; về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo H phải nộp số tiền 5.000.000đ; bị cáo N nộp số tiền 8.000.000đ, bị cáo B nộp số tiền 2.000.000đ và bị cáo D nộp số tiền 300.000đ để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội về chế độ án, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo với điều luật như trên là đúng, đề nghị cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trưa ngày 10/8/2019, tại nhà ở của gia đình Trần Văn B ở thôn M, xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương Trần Văn B cùng với Phạm Đức H, Trần Văn D, Đào Văn N đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh ba cây. Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cụ thể như sau: H sử dụng 5.000.000đ; N sử dụng 8.000.000đ; B sử dụng 2.000.000đ và D sử dụng 300.000đ vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 15.300.000đ.

Xét các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm hại đến trật tự trị an tại địa phương. Song do muốn hưởng lợi nhưng lại không chịu lao động chân chính nên các bị cáo H, B, N, D vẫn cố ý sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “ba cây” với tổng số tiền đánh bạc là 15.300.000đ. Do vậy, Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo H là người chuẩn bị công cụ, khi N thua hết tiền lại cho N vay 5.000.000đ để tiếp tục đánh bạc cùng các bị cáo, số tiền H sử dụng vào việc đánh bạc là 5.000.000đ nên giữ vai trò chính trong vụ án. Tiếp đến là Trần Văn B tiếp nhận ý chí của các bị cáo, đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở nơi gia đình mình và trực tiếp tham gia đánh bạc, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 2.000.000đ nên giữ vai trò thứ 2. Giữ vai trò thực Hành là bị cáo N và bị cáo D. Bị cáo N đến nhà B chơi và mang theo 3.000.000đ, cùng ngồi đánh bạc với các bị cáo tuy nhiên sau khi thua hết lại tiếp tục vay H số tiền 5.000.000đ, tổng số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.000.000đ nên giữ vai trò thứ 3. Giữ vai trò sau cùng là bị cáo D với số tiền đánh bạc là 300.000đ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sẽ có mức hình phạt tương xứng với tính chất, Hành vi Hành vi phạm tội của

từng bị cáo.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo H, B, N, D đều tHành khẩn khai báo nên các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo H, N, D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo B, D có bố đẻ là Liệt Sỹ nên các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ Hành vi Cường đoạt tài sản tại nhà bị cáo H bị cáo N đã tự thú về Hành vi đánh bạc của bị cáo và các đồng phạm nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo N; bị cáo B sau khi Hành vi của mình bị phát hiện đã có đơn ra đầu thú tại cơ quan công an, bị cáo H, N, D có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét thấy, H có vai trò chính trong vụ án nên áp dụng mức hình phạt cao nhất. Tiếp đến là bị cáo B và bị cáo N, giữ vai trò sau cùng là bị cáo D. Tuy nhiên, bị cáo H, bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo B mặc dù đã bị kết án về Hành vi đánh bạc nhưng đã được xóa án tích, Hành vi bị cáo bị xử phạt vi phạm Hành chính là Hành vi sau Hành vi xét xử nên không xác định là tiền sự đối với Hành vi này. Bị cáo B có tiền sử mắc bệnh tim cụ thể là cơn đau thắt ngực, suy tim và một số bệnh kèm theo khác và hiện vẫn đang điều trị vì vậy, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp Hành hình phạt tù mà chiếu cố cho các bị cáo H, B được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự; phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 36 Bộ luật hình sự đối với D cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở tHành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, sống biết chấp Hành và tuân thủ pháp luật.

Đối với bị cáo N hiện đang chấp Hành án tại trại giam trong vụ án khác. Từ Hành vi đánh bạc này của bị cáo dẫn đến việc bị cáo phạm tội Cường đoạt tài sản mà Tòa án nhân dân huyện N đã xét xử tại bản án số 44/2022/HSST ngày 16/9/2022 nên cần cách ly bị cáo theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự nhưng cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của điều luật quy định thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật và cũng đủ để giáo dục, phòng ngừa chung. Bị cáo đang chấp Hành án phạt 36 tháng tù tại Bản án số 44/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N nay lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án

này nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp Hành hình phạt chung của hai bản án nhưng trừ đi thời gian đã chấp Hành hình phạt của bản án số 44 nêu trên; bị cáo đã chấp Hành được (từ ngày 11/01/2022 đến ngày tuyên án 16/3/2023) 14 tháng 15 ngày.

[6] Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000đ đối với bị cáo Phạm Đức H và Trần Văn B theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N, bị cáo D.

[7] Về vật chứng: Do không thu giữ được nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 15.300.000đ các bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, số tiền trên các bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết nên cần buộc các bị cáo phải nộp số tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước cụ thể: Buộc bị cáo H phải nộp số tiền 5.000.000đ; bị cáo N nộp số tiền 8.000.000đ, bị cáo B nộp số tiền 2.000.000đ và bị cáo D nộp số tiền 300.000đ.

Chị Lê Thị Hiệp khai nhận chị trả tiền vay cho Phạm Đức H số tiền 5.000.000 đồng, Phạm Đức H cho Đào Văn N vay số tiền 5.000.000đ nêu trên. Chị Hiệp, H, N xác định đây là việc dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu chị Hiệp, H, N có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Chị Hiệp không biết các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên không xem xét, xử lý.

Chị Bùi Thị H1 là người bán bộ bài cho Phạm Đức H không biết việc các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên không xem xét, xử lý.

Anh Phan Mạnh S1 là chủ sở hữu xe máy Sirius biển số 34N8-9233 cho Đào Văn N mượn sử dụng để đi lại, không biết N sử dụng vào việc đánh bạc nên không xem xét, xử lý.

Hành vi đánh bạc vào các ngày khác của Phạm Đức H, Đào Văn N, Trần Văn B, Nguyễn Văn THành, Ngô Văn Phong, Ngô Văn Kiên, Nguyễn Đình Nam, Ngô Quang Thọ đến nay không xác định được thời gian, số tiền sử dụng để đánh bạc nên không có căn cứ xử lý. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm Hành chính, do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm Hành chính nên không xử phạt vi phạm Hành chính là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo

quy định tại **Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí** và Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 đối với tất cả các bị cáo; thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H, N, D; thêm điểm x khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo B, D, thêm điểm r khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo N, thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H, B, D; Điều 65 đối với H, B; Điều 36 đối với bị cáo D và Điều 38, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức H, Trần Văn B, Đào Văn N, Trần Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Đức H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (hai mươi B) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B bị cáo 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 22 (hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H, bị cáo B cho UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi Hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo N 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với 36 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HSST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N. Buộc bị cáo phải chấp Hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã chấp Hành là 14 tháng 15 ngày. Bị cáo còn phải chấp Hành 27 (hai mươi bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 09(chín) tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn tính từ ngày UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi Hành án và bản sao bản án. Khấu trừ thu nhập 5%/tháng của bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước trong thời gian chấp Hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo D cho UBND xã Đ1, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo tại địa phương.

[3] Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Đức H và Trần Văn B mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo H phải nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng); bị cáo N nộp số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), bị cáo B nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và bị cáo D nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo H, B, N, D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Án xử công khai có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - CA huyện N;
- CQTHAHS – CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bộ phận hồ sơ N vụ Công an huyện N;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ1, huyện N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp